

Bản án số: **08/2026/HNGĐ - ST**

Ngày: **23/4/2026**

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi

Bà Phạm Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLST – HNGĐ ngày 24/11/2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/03/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/04/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1994; Căn cước số: 0381940335xx cấp ngày 23/7/2024; địa chỉ đăng ký thường trú: xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình. Hiện cư trú: xóm I L, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đào Anh M, sinh năm 1983. Căn cước số: 0370830202xx cấp ngày 16/8/2024; địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú: xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị D, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt anh M lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:*

Chị và anh Đào Anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa cũ là quê của chị vào ngày 09/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh M tại xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu say xỉn, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không

thay đổi mà còn chửi bới, xúc phạm chị. Hai bên gia đình khuyên can rất nhiều lần nhưng không thay đổi được tình trạng hôn nhân. Chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn anh M tại Tòa án nhưng được sự phân tích, hòa giải của Tòa án và vì thương các con nên chị rút đơn khởi kiện **mong anh M thay đổi, vợ chồng tìm được tiếng nói chung cùng nhau nuôi dạy các con, nhưng đến nay không có kết quả.**

Chị và anh M đã ly thân từ đầu năm 2023, trong thời gian ly thân chị và anh M không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Anh M.

Về con chung: Chị và anh M có ba con chung là cháu Đào Phạm Thanh L, sinh ngày 20/8/2013, cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015 và cháu Đào Anh Q, sinh ngày 26/9/2017. Hiện cả ba cháu đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đào Phạm Thanh L, sinh ngày 20/8/2013 và cháu Đào Anh Q, sinh ngày 26/9/2017. Chị nhường quyền nuôi dưỡng cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015 cho anh M. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn anh Đào Anh M: Anh M có đăng ký thường trú tại xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình nhưng thường xuyên đi làm ăn xa nhà, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, **thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS và các văn bản tố tụng khác cho anh M nhưng anh M không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tại biên bản sự việc ngày 20/01/2026 khi Tòa án đến nhà để lấy lời khai thì anh M không đồng ý lấy lời khai mà anh chỉ có ý kiến xác định trong cuộc sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn do thỉnh thoảng anh đi làm ăn về có uống rượu giao lưu với bạn bè, nhưng chị D không thích nên dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, nghi ngờ nhau trong cuộc sống, nhiều lần chị D có làm đơn tại Tòa án để xin ly hôn anh, thời gian gần đây anh đã có thay đổi nhưng chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án cho anh thêm thời gian để vợ chồng bàn bạc, nói chuyện với nhau để chị D rút đơn lại. Trường hợp lần này mà chị D vẫn cương quyết xin ly hôn anh thì Tòa án cứ làm việc với chị D theo quy định của pháp luật, anh không tham gia giải quyết, không có ý kiến yêu cầu gì. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh M không tham gia tố tụng.**

Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 07/4/2026, anh M vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ và ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 23/4/2026. Tại phiên tòa hôm nay anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Các con chung của chị D và anh M là cháu Đào Phạm Thanh L, sinh ngày 20/8/2013, cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015 và cháu Đào Anh Q, sinh ngày 26/9/2017. Trong biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của các cháu thì L và cháu Q có nguyện vọng muốn được ở với chị D, còn cháu B có nguyện vọng muốn được ở

với anh M khi bố mẹ ly hôn.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyen:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D. Xử chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Đào Anh M.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Đào Phạm Thanh L, sinh ngày 20/8/2013 và cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015; giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015; Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Đào Anh M có địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú tại: xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Đào Anh M là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh M cố tình không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị D và bị đơn anh Đào Anh M. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị D và anh Đào Anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2012 tại UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (Nay là UBND xã Q, tỉnh Thanh Hóa). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị D và anh M sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị D nguyên nhân chính vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do anh M thường xuyên uống rượu say và chửi bới, xúc phạm chị đã nhiều năm, chị đã nhiều lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó đã rút đơn để cho anh M cơ hội thay đổi nhưng anh M vẫn không thay đổi. Chị và anh M đã ly thân từ đầu năm 2023 và trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai.

Về phía anh M đã nhận được thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến, quan điểm về yêu cầu giải quyết việc ly hôn anh mà chị D đưa ra; không tham gia hòa giải do Tòa án thực hiện có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân.

Tại biên bản sự việc ngày 20/01/2026 anh M có xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh, biết được việc chị D có yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh, nhưng do thường xuyên phải đi làm xa mỗi tháng chỉ về được một lần vào thời gian đầu tháng âm lịch nên anh không ra Tòa án làm việc được. Giữa anh và chị D có xảy ra mâu thuẫn do thỉnh thoảng anh đi làm ăn về có uống rượu giao lưu với bạn bè nhưng chị D không thích nên dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, nghi ngờ nhau trong cuộc sống, nhiều lần chị D có làm đơn tại Tòa án để xin ly hôn anh, thời gian gần đây anh có thay đổi nhưng chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để vợ chồng bàn bạc, nói chuyện với nhau để chị D rút đơn. Trường hợp lần này chị D vẫn cương quyết ly hôn anh thì Tòa án cứ làm việc với chị D theo quy định của pháp luật, anh không tham gia. Hiện chị D đang bị ốm nằm viện điều trị anh đang phải chăm sóc 03 con chung. Đề nghị Tòa án cho anh hẹn đến 14 giờ ngày 23/01/2026 khi chị D ra viện anh sẽ đến Tòa án làm việc và có ý kiến về việc chị D xin ly hôn anh, còn hôm nay anh không ký vào bất cứ giấy tờ của Tòa án. Trường hợp anh không thực hiện đúng ngày giờ trên thì Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh ngày 03/3/2026, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: anh M và chị D kết hôn hợp pháp và về sinh sống cùng nhà bố mẹ anh M. Đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng đã đi thuê nhà ra ở riêng làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi lần đi làm ăn xa về anh M hay uống rượu, vợ chồng có lời qua tiếng lại nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhau từ đó vợ chồng nghi ngờ và mất lòng tin về nhau. Mâu thuẫn diễn ra đã lâu, kéo dài nhiều năm. Chị D đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn anh M sau đó vì con chị D lại rút đơn về mong anh M thay đổi nhưng đến nay không có kết quả. Hai vợ chồng đã ly thân nhau, chị D hiện đang đi

thuê nhà tại xóm I L, xã P, tỉnh Ninh Bình. Mặc dù địa phương không nhận được bất kỳ báo cáo hay đơn thư gì về tình trạng hôn nhân của chị D, anh M nhưng do nhiều lần chị D làm đơn xin ly hôn anh M không chấp hành theo yêu cầu báo gọi của Tòa án nên Tòa án đã nhiều lần trong nhiều năm phối hợp với địa phương đến nơi cư trú của anh M để làm việc, anh M đều không hợp tác.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định do M hay uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhau và từ đó mất niềm tin về nhau. Mâu thuẫn đã diễn ra trong nhiều năm khiến chị D đã nhiều lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án, hiện nay anh chị đã sống ly thân. Anh M đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để lấy ý kiến và tham gia hòa giải nhưng anh M không có ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không tham gia hòa giải đoàn tụ với chị D, chứng tỏ anh M không muốn được hòa giải đoàn tụ với chị D. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng khắc phục, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D cần chấp nhận, cho chị D được ly hôn với anh Đào Anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, con riêng:

Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Đào Anh M và có ba con chung là cháu Đào Phạm Thanh L, sinh ngày 20/8/2013, cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015 và cháu Đào Anh Q, sinh ngày 26/9/2017. Hiện ba cháu đang do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 cháu Đào Phạm Thanh L, sinh ngày 20/8/2013 và cháu Đào Anh Q, sinh ngày 26/9/2017. Chị nhường quyền nuôi dưỡng cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015 cho anh M. Chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã yêu cầu cả anh M và chị D cung cấp chứng cứ chứng minh về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng anh M và chị D không cung cấp được.

Tại biên bản xác minh ngày 03/3/2026 UBND xã P cung cấp: Hiện chị D đang làm may thú nhồi bông tự do tại nhà, anh M làm nghề tự do không xác định cụ thể thu nhập của anh chị. Về điều kiện sống: Vợ chồng không có nhà đất độc lập, trước ở cùng nhà bố mẹ đẻ của anh M. Khi ly thân chị D đi thuê nhà tại xóm I L, xã P, tỉnh Ninh Bình, nhà tuy cũ nhưng rộng rãi, có sân vườn để đảm bảo sinh hoạt. Còn anh M ở cùng với mẹ đẻ nhà cửa cũng rộng sinh hoạt đảm bảo. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của các cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn, cháu Đ Phạm Thanh L là con gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn, cháu Đào Anh Q là con út trong nhà hiện đang ở cùng với mẹ, khi bố mẹ ly hôn thì cả 02 cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Đào Phạm Gia B là con trai, khi được hỏi thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố. Do đó về việc nuôi con chung cần giao cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đ Phạm Thanh L và cháu Đào Anh Q; Giao cháu Đào

Phạm Gia B cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị D và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp và đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Phạm Thị D và anh Đào Anh M và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị D và anh M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Phạm Thị D và anh Đào Anh M không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị D và anh Đào Anh M không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: **khoản 1 Điều 51**, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: **khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;** điểm a khoản 1 Điều 39; **Điều 144;** khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Đào Anh M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Đào Anh M.

3. Về con chung, con riêng:

Về con chung: Giao cháu cháu Đ Phạm Thanh L, sinh ngày 20/8/2013 và cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015 cho chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn **đến khi con thành niên**. Giao cháu Đào Phạm Gia B, sinh ngày 04/4/2015 cho anh Đào Anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn **đến khi con thành niên**. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Phạm Thị D và anh Đào Anh M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị D và anh Đào Anh M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003036 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị D, anh Đào Anh M vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- UBND xã Q, P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh